

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA ĐIỀU DƯỠNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM		
Mã học phần:	71NURC40282	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	243_71NURC40282_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	50	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (31 câu hỏi = 7 điểm)

CLO1: GỒM CÁC CÂU HỎI TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 20 – PI 2.1.

Tác nhân gây bệnh dịch tả là:

- A. *Vibrio cholerae*
- B. *Escherichia coli*
- C. *Salmonella Typhi*
- D. *Shigella dysenteriae*

ANSWER: A

Dấu véo da mất chậm trong bệnh tả phản ánh tình trạng nào sau đây?

- A. Mất nước mức độ nặng
- B. Không uống nước được
- C. Rối loạn tuần hoàn trung tâm
- D. Nhiễm toan chuyển hóa

ANSWER: A

Đường lây truyền chủ yếu của bệnh lỵ trực trùng là:

- A. Qua đường tiêu hóa – phân-miệng
- B. Qua đường hô hấp
- C. Qua đường máu
- D. Qua vết cắn côn trùng

ANSWER: A

Nguyên nhân gây sốt cao ở người bệnh lỵ trực trùng là do:

- A. Nhiễm trùng
- B. Mất nước
- C. Mất máu
- D. Tiêu chảy nhiều lần

ANSWER: A

Đặc điểm “**phân**” thường gặp ở người bệnh ly amip?

- A. Phân nhầy máu, lẫn ít phân
- B. Phân lỏng toàn nước, không nhầy, không máu
- C. Phân lỏng, màu trắng đục, có mùi tanh nồng
- D. Phân lỏng, có nhiều bọt, lợn cợn hạt mỡ

ANSWER: A

Tác nhân gây bệnh thương hàn là do vi khuẩn:

- A. *Salmonella Typhi*
- B. *Escherichia coli*
- C. *Staphylococcus aureus*
- D. *Shigella dysenteriae*

ANSWER: A

Chỉ số xét nghiệm đánh giá tình trạng mất máu ở người bệnh thương hàn:

- A. RBC
- B. WBC
- C. PLT
- D. CRP

ANSWER: A

Tác nhân gây bệnh viêm não mô cầu là vi khuẩn nào sau đây?

- A. *Neisseria meningitidis*
- B. *Streptococcus pneumoniae*
- C. *Haemophilus influenzae*
- D. *Mycobacterium tuberculosis*

ANSWER: A

Nguyên nhân người bệnh não mô cầu có triệu chứng gáy cứng, đau đầu dữ dội:

- A. Viêm màng não gây tăng áp lực nội sọ
- B. Vi khuẩn gây phá hủy não bộ
- C. Thiếu oxy do viêm phổi kèm theo

D. Viêm dây thần kinh vận động

ANSWER: A

Nguyên nhân dẫn đến rối loạn ý thức ở người bệnh viêm não mô cầu là:

A. Nhiễm độc thần kinh và phù não

B. Thiếu máu lên não

C. Hạ đường huyết kéo dài

D. Tăng đường huyết cấp tính

ANSWER: A

Trong các loài sau, loài *Plasmodium* nào gây bệnh sốt rét ác tính nặng nhất?

A. *Plasmodium falciparum*

B. *Plasmodium malariae*

C. *Plasmodium vivax*

D. *Plasmodium ovale*

ANSWER: A

Viêm gan siêu vi A và E thường lây truyền qua đường nào?

A. Đường tiêu hóa (phân – miệng)

B. Đường tình dục

C. Đường máu

D. Qua giọt bắn

ANSWER: A

Độc tố do *Clostridium tetani* tiết ra gây nên triệu chứng co cứng cơ đặc trưng:

A. Tetanospasmin

B. Enterotoxin

C. Hemolysin

D. Neurolysin

ANSWER: A

Nguồn lây nhiễm chủ yếu dẫn đến bệnh uốn ván là:

A. Vết thương ngoài da bị nhiễm bào tử uốn ván từ đất hoặc vật dụng bẩn

B. Uống nước nhiễm khuẩn

C. Hít phải bào tử qua đường hô hấp

D. Truyền máu không an toàn

ANSWER: A

Tác nhân gây bệnh bạch hầu là vi khuẩn nào sau đây?

A. *Corynebacterium diphtheriae*

B. *Bacillus anthracis*

C. *Streptococcus pyogenes*

D. *Neisseria meningitidis*

ANSWER: A

Tại sao không nên cố gắng bóc giả mạc trong bạch hầu họng?

A. Vì bóc giả mạc có thể gây chảy máu, tổn thương lan rộng

B. Vì giả mạc chứa virus dễ phát tán

C. Vì gây kích thích ho

D. Vì gây đau cho người bệnh

ANSWER: A

Giả mạc trong bạch hầu giúp phân biệt bệnh này với các viêm họng thông thường vì:

A. Giả mạc dính chắc, màu xám, lan rộng, khó bóc

B. Giả mạc xuất hiện kèm sốt cao và tiêu chảy

C. Giả mạc có mùi thơm đặc trưng

D. Giả mạc bong ra hàng ngày không để lại tổn thương

ANSWER: A

Loại muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết là:

A. *Aedes aegypti* – đốt người vào ban ngày, trú ẩn nơi tối

B. *Culex* – thường sống ở vùng nước sạch

C. *Anopheles* – hoạt động chủ yếu về đêm

D. *Mansonia* – sống ở đầm lầy

ANSWER: A

Loại muỗi truyền bệnh sốt rét là:

A. *Anopheles* – hoạt động chủ yếu về đêm

B. *Culex* – thường sống ở vùng nước sạch

C. *Aedes aegypti* – đốt người vào ban ngày, trú ẩn nơi tối

D. *Mansonia* – sống ở đầm lầy

ANSWER: A

Sốt xuất huyết Dengue thường lưu hành **manh** vào mùa nào ở Việt Nam?

A. Mùa hè – thu, đặc biệt trong mùa mưa

B. Mùa xuân – hè

C. Mùa đông – xuân

D. Quanh năm, không theo mùa

ANSWER: A

CLO1: GỒM CÁC CÂU HỎI TỪ CÂU 21 ĐẾN CÂU 30 – PI 3.1A.

Mục tiêu điều dưỡng phù hợp trong giai đoạn cấp của ly trực trùng là:

- A. Bù đủ nước và điện giải, cải thiện triệu chứng
- B. Không còn tiêu chảy trong vòng 24 giờ
- C. Người bệnh ăn uống đầy đủ ngay sau khi nhập viện
- D. Giảm sốt và xuất viện trong vòng 2 ngày

ANSWER: A

Khi xây dựng chẩn đoán điều dưỡng cho người bệnh ly trực trùng có tiêu chảy nhiều lần/ngày, chẩn đoán nào sau đây là **ưu tiên hàng đầu**?

- A. Mất nước do tiêu chảy cấp
- B. Rối loạn thân nhiệt do nhiễm trùng
- C. Nguy cơ thiếu dinh dưỡng do ăn uống kém
- D. Lo âu do nhập viện

ANSWER: A

Nguyên nhân dẫn đến cường lách ở người bệnh sốt rét:

- A. Vỡ hồng cầu số lượng nhiều và kéo dài
- B. Thiếu oxy kéo dài
- C. Sốt cao kéo dài
- D. Thiếu máu nặng

ANSWER: A

Đối tượng nào có nguy cơ cao mắc viêm gan siêu vi C?

- A. Nhân viên y tế tiếp xúc với máu
- B. Người ăn uống không hợp vệ sinh
- C. Người từng tiêm ngừa đầy đủ viêm gan B
- D. Người thường xuyên tiếp xúc với trẻ nhỏ

ANSWER: A

Khi lập kế hoạch chăm sóc, điều dưỡng cần ưu tiên theo dõi xét nghiệm nào để đánh giá tình trạng tổn thương gan?

- A. AST, ALT, bilirubin
- B. Huyết sắc tố (Hb) và hematocrit
- C. Glucose máu và HbA1C
- D. CRP và bạch cầu

ANSWER: A

Khi đánh giá tri giác ở người bệnh viêm gan siêu vi B đợt cấp, điều dưỡng cần đặc biệt lưu ý dấu hiệu nào sau đây gợi ý biến chứng não gan?

- A. Lơ mơ, ngủ gà, thay đổi hành vi, nói lắp
- B. Phù hai chi dưới
- C. Vàng da tiến triển nhanh
- D. Khó thở và ho khan

ANSWER: A

Điều dưỡng cần hướng dẫn người bệnh thủy đậu cách chăm sóc da như thế nào?

- A. Bôi thuốc sát khuẩn như xanh methylen
- B. Bôi dầu gió vào các nốt để làm dịu da
- C. Không được tắm trong suốt thời gian bệnh
- D. Chườm nóng lên vùng da có mụn nước

ANSWER: A

Dấu hiệu thủng ruột ở người bệnh thương hàn:

- A. Co cứng thành bụng
- B. Chán ăn
- C. Điểm Murphy (+)
- D. Điểm McBurney (+)

ANSWER: A

“Người bệnh viêm não mô cầu có dấu hiệu mạch 130 lần/phút, huyết áp 80/60 mmHg, nhịp thở 88 lần/phút, tiểu ít, ban xuất huyết hoại tử tiến triển” là tình trạng:

- A. Sốc nhiễm trùng
- B. Suy thận cấp
- C. Suy hô hấp
- D. Mất nước nặng

ANSWER: A

“Người bệnh viêm gan B có biểu hiện nói nhiều, trả lời lộn xộn” là dấu hiệu:

- A. Hôn mê gan
- B. Tăng lipid/máu
- C. Tăng áp lực nội sọ
- D. Tăng áp lực tĩnh mạch cửa

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN: CÂU 31 - 34

Sử dụng tình huống sau để trả lời các câu hỏi từ 31 - 34

Cách nhập viện 1 ngày nhập viện, người bệnh đi tiêu phân lỏng màu trắng đục # 9 lần kèm theo nôn nhiều lần.

Tại khoa cấp cứu, người bệnh tiêu phân lỏng trắng đục, mạch nhẹ, không sốt, đau âm ỉ vùng quanh rốn, nôn # 3 lần, không ăn được, nếp véo da mất nhanh, da khô.

Dấu hiệu sinh tồn: Mạch: 115 lần/phút, HA: 85/50 mmHg, Nhiệt độ 36 độ C, nhịp thở 28 lần/phút, cân nặng 50 Kg

Chẩn đoán: Theo dõi bệnh tả, mất nước độ 2.

Chỉ định: truyền Ringer Lactat, NaCl 0.9%, Glucose 5%, Natri bicarbonat; Xét nghiệm: CRP, soi phân và cấy phân.

CLO2 - PI 2.2 : GỒM CÁC CÂU HỎI TỪ CÂU 31 - 32

31. Liệt kê 02 triệu chứng chính của người bệnh tả trong tình huống trên:

31.1.

31.2.

32. Liệt kê 03 dấu hiệu mất nước độ 2 của người bệnh tả trong tình huống trên:

32.1.

32.2.

32.3.

CLO2 - PI 3.2: GỒM CÁC CÂU HỎI TỪ CÂU 33 - 34

33. Hoàn thành chẩn đoán điều dưỡng và mục tiêu tương ứng trong bảng sau đây (2 chẩn đoán trước mắt, 01 chẩn đoán lâu dài)

Chẩn đoán điều dưỡng	Mục tiêu chăm sóc
1..... liên quan đến mất nước độ 2 do tiêu chảy	Ổn định huyết động học trong giới hạn bình thường (Huyết áp 100/60 mmHg, mạch 100 lần/phút)
2. Người bệnh thiếu dinh dưỡng liên quan đến	3.....
4. Nguy cơ chuyển độ nặng liên quan	5.....

34. Liệt kê 2 can thiệp điều dưỡng phù hợp với mục tiêu:

Mục tiêu	Can thiệp điều dưỡng
Ổn định huyết động học trong giới hạn bình thường (Huyết áp 100/60 mmHg, mạch 100 lần/phút)	6.....
	7.....

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		7.0	
CLO1 – PI 2.1		4.0	
Câu 1 – 20	A	0.2	
CLO1 – PI 3.1A		3.0	
Câu 21- 30	A	0.3	
II. Tự luận		3.0	
CLO2 – PI 2.2		1.0	
31. Liệt kê 02 triệu chứng của bệnh tả:	31. 1. Tiêu phân lỏng màu trắng đục # 9 lần	0.2	
	31. 2. Nôn # 3 lần	0.2	
32. Liệt kê 03 dấu hiệu mất nước độ 2:	32. 1. Da khô	0.2	
	32. 2. Mạch 115 lần/phút	0.2	
	32. 3. HA: 85/50 mmHg	0.2	
CLO2 – PI 3.2		2.0	
33. Hoàn thành chẩn đoán điều dưỡng và mục tiêu tương ứng	1. Người bệnh mạch nhanh, nhẹ (115 lần/phút), huyết áp thấp (85/50 mmHg)	0.2	
	2. ăn không được do nôn nhiều lần (# 3 lần)		
	3. Cung cấp dinh dưỡng cho người bệnh	0.2	
	4. tiêu chảy, nôn kéo dài	0.2	
	5. Đề phòng nguy cơ/không xảy ra nguy cơ	0.2	
34. Liệt kê 2 can thiệp điều dưỡng	6. Thực hiện y lệnh truyền dịch	0.5	
		0.5	

phù hợp với mục tiêu:	7. Nằm đầu thấp/Theo dõi dấu hiệu sinh tồn/tri giác/dấu hiệu đổ đầy mao mạch/lượng dịch vào - ra		
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025
Giảng viên ra đề

Lý Thị Phương Hoa

Lý Thị Phương Hoa/ Vũ Long